VN-INDEX VẪN TRONG ĐỢT ĐIỀU CHỈNH

Thứ hai, Ngày 8 Tháng 4 Năm 2024

DỰ BÁO XU HƯỚNG THỊ TRƯỜNG

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 9/4/2024		●	
Tuần 8/4-12/4/2024		●	
Tháng 04/2024		●	

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index giao dịch trong vùng 1,250 – 1,260 cả ngày trước khi đóng cửa tại mốc 1,250.35 điểm, giảm gần 5 điểm so với phiên trước đó. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 15/18 ngành giảm điểm. Ở chiều ngược lại, ngành Ngân hàng, Tài nguyên cơ bản lại có phiên giao dịch tích cực. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên sàn HSX và mua ròng trên sàn HNX. Đợt điều chỉnh hiện tại có thanh khoản khá khiêm tốn, nhà đầu tư có thể tận dụng đợt điều chỉnh này để cơ cấu lại danh mục. Ngưỡng hỗ trợ hiện tại của VN-Index là vùng 1,240 – 1,250.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL giảm theo nhịp vận động của VN30, ngoại trừ VN30F2409, VN30F2404.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 08/04/2024, các chứng quyền biến động theo nhịp điều chỉnh của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

• VN-Index -4.76 điểm, đóng cửa tại 1250.35 điểm. HNX-Index -1.60 điểm, đóng cửa tại 238.08 điểm.
• Kéo chỉ số tăng: BID (+0.85), HDB (+0.4), CTG (+0.4), TCB (+0.26), HPG (+0.22).
• Kéo chỉ số giảm: GAS (-0.61), VRE (-0.59), VNM (-0.46), MWG (-0.35), FPT (-0.34).
• Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 18,401 tỷ đồng, giảm -24.19% so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 20,357 tỷ đồng.
• Biên độ dao động: 11.53 điểm. Thị trường có 112 mã tăng, 81 mã tham chiếu, 355 mã giảm.
• Giá trị bán ròng của khối ngoại: -154.11 tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm VHM (-282.92 tỷ), VRE (-122.70 tỷ), FUESSVFL (-119.05 tỷ), DIG (-27.61 tỷ), HHV (-27.10 tỷ). Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị 73.94 tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

• BSC30 -0.78%. Các mã diễn biến tích cực: BID (+1.20%), CTG (+0.90%), TCB (+0.66%).
• BSC50 -1.28%. Các mã diễn biến tích cực: HDB (+2.36%), PTB (+1.45%), GVR (+0.63%).

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-0.78%	-1.28%	-0.38%	-0.24%
1 tuần	-2.07%	-3.28%	-2.06%	-2.69%
1 tháng	1.72%	1.95%	1.08%	1.78%
3 tháng	14.02%	14.06%	9.85%	9.36%

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,250.35	238.08	90.53
% 1D	-0.38%	-0.67%	-0.13%
GTGD (tỷ VND)	18,401	1,682	632
%1D	-24.19%	-36.99%	-41.45%
GDNN (tỷ VND)	-154.11	73.94	-0.31

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
SBT	56.84	VHM	-282.92
HPG	54.58	VRE	-122.70
BID	41.31	FUESSVFL	-119.05
DPG	36.12	DIG	-27.61
CTG	35.31	HHV	-27.10

Thị trường thế giới

		%D	%W
SPX	5,204	1.11%	-0.95%
FTSE100	7,909	-0.03%	-0.55%
Eurostoxx	4,378	0.12%	-1.14%
Shanghai	3,047	-0.72%	1.21%
Nikkei	39,315	0.78%	-1.32%

Nguồn: Bloomberg

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	89.69	-1.62%
Giá vàng	2,353	1.17%
Tỷ giá		
USD/VND	25,120	0.00%
EUR/VND	27,754	-0.02%
JPY/VND	168	-0.59%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	2.8%	-0.06%
LS LNH 1M	4.4%	

Nguồn: BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50

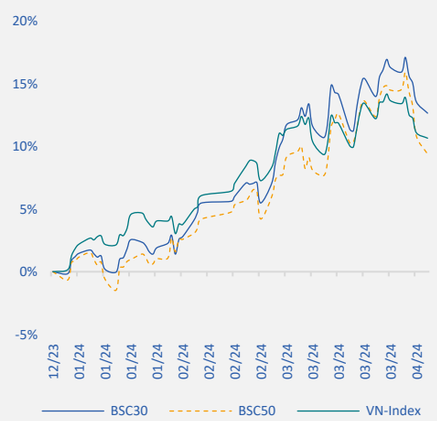

Nguồn: BSC tổng hợp

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê thị trường	Trang 2
Danh mục BSC30	Trang 3
Danh mục BSC50	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
Khuyến cáo sử dụng	Trang 6

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
BID	50.20	1.20%	0.85	1.46
HDB	23.35	2.36%	0.40	18.27
CTG	33.20	0.90%	0.40	12.35
TCB	45.20	0.66%	0.26	10.69
HPG	29.45	0.51%	0.22	16.80

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
GAS	80.90	-1.36%	-0.61	0.68
VRE	24.70	-4.45%	-0.59	14.77
VNM	67.90	-1.33%	-0.46	3.72
MWG	51.00	-1.96%	-0.35	6.33
FPT	113.70	-0.97%	-0.34	1.96

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
DTK	10.70	2.80%	0.16	0.00
BAB	12.20	1.64%	0.14	0.00
TMB	84.40	9.72%	0.10	0.07
VNT	47.30	9.94%	0.06	0.00
TVC	8.50	5.88%	0.05	0.95

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HUT	18.80	-1.60%	-0.20	11.03
SHS	19.80	-1.52%	-0.18	21.04
LAS	21.90	-7.31%	-0.13	1.73
CEO	22.90	-1.31%	-0.11	10.76
BVS	37.00	-5.68%	-0.11	1.35

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HU1	5.59	6.98%		0.00
RDP	5.45	6.97%		0.81
NHA	21.70	6.45%		1.47
PMG	8.61	6.27%		0.00
SCD	11.60	5.17%		0.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
TV2	40.00	-7.00%		1.52
TTE	10.15	-7.00%		0.00
KPF	3.72	-6.99%		1.49
PGI	26.50	-6.98%		0.00
VTP	79.30	-6.94%		3.14

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PTD	11.00	10.00%		0.00
VNT	47.30	9.94%		0.00
QST	18.40	9.78%		0.00
TMB	84.40	9.72%		0.07
HMR	18.70	9.63%		0.37

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
THS	11.00	-10.00%		0.00
VC7	15.10	-9.93%		2.45
MAS	35.00	-9.71%		0.00
HMH	14.50	-9.66%		0.30
VCM	14.70	-9.52%		0.00

Hình 1
HSX-Index Intraday

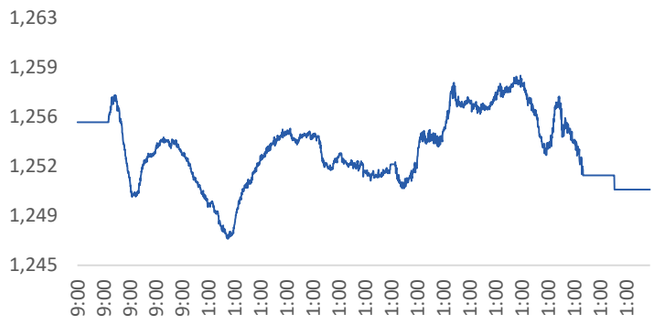

Hình 2
HNX-Index Intraday

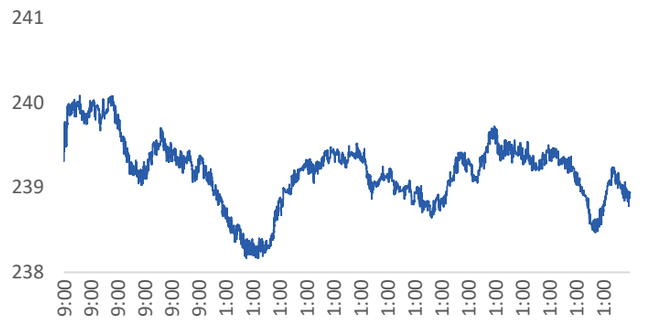

Hình 3
Giao dịch tự doanh

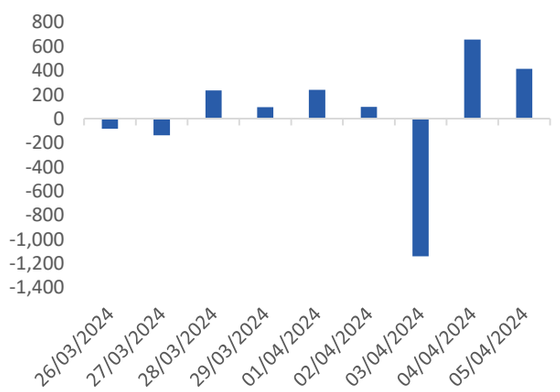

Nguồn: FiinProX, BSC Research

Hình 4
Giao dịch khối ngoại

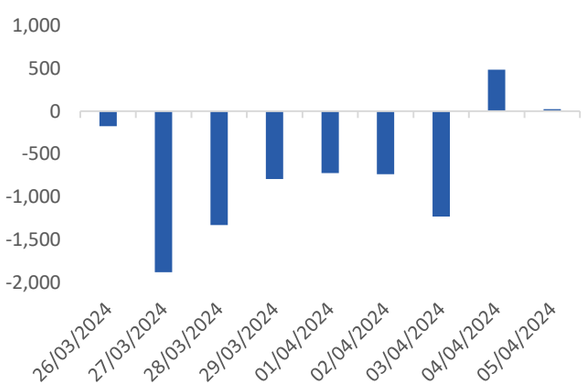

Nguồn: FiinProX, BSC Research

DANH MỤC BSC30

Mã	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tải báo báo
VCB	Ngân hàng	94.9	0.00%	0.7	21,272	3.3	5,910	16.1	105,000	23.5%	Link
BID	Ngân hàng	50.8	1.20%	1.0	11,614	1.8	3,772	13.5	54,578	17.3%	Link
VPB	Ngân hàng	19.4	-0.30%	1.0	6,173	6.6	1,257	15.4	23,685	28.0%	Link
TCB	Ngân hàng	45.5	0.70%	1.2	6,428	18.2	5,111	8.9	-	22.5%	Link
MBB	Ngân hàng	23.5	0.60%	1.1	4,983	23.3	3,966	5.9	24,400	23.2%	Link
STB	Ngân hàng	29.0	-2.00%	1.0	2,193	31.2	4,094	7.1	31,200	22.5%	Link
CTG	Ngân hàng	33.5	0.90%	1.1	7,214	16.1	3,706	9.0	19,100	27.1%	Link
ACB	Ngân hàng	27.2	0.00%	0.8	4,229	7.5	4,131	6.6	42,500	30.0%	Link
SSI	Chứng khoán	36.7	-0.30%	1.2	2,206	17.8	1,529	24.0	45,900	43.2%	Link
IDC	BĐS KCN	57.9	-0.20%	1.0	766	2.4	4,221	13.7	-	17.6%	Link
HPG	VLXD	29.6	0.50%	1.3	6,903	19.8	1,176	25.2	23,300	24.5%	Link
HSG	VLXD	22.6	0.00%	1.6	558	4.9	1,321	17.1	79,900	22.1%	Link
VHM	BĐS	43.0	0.10%	1.2	7,509	28.9	7,664	5.6	38,900	22.4%	Link
KDH	BĐS	35.8	-1.80%	1.3	1,149	4.5	895	40.0	44,100	38.0%	Link
NLG	BĐS	43.2	-1.30%	1.2	666	4.2	1,257	34.3	46,100	42.9%	Link
DGC	Hóa chất	116.0	-3.10%	1.6	1,767	15.2	8,163	14.2	85,000	18.9%	Link
DCM	Phân bón	33.5	-2.30%	1.4	711	4.4	2,095	16.0	41,000	10.9%	Link
GAS	Dầu khí	79.8	-1.40%	0.7	7,350	2.2	5,053	15.8	36,000	2.6%	Link
PVS	Dầu khí	42.0	-0.50%	0.7	805	14.3	2,148	19.6	110,500	20.8%	Link
PVD	Dầu khí	32.9	0.00%	1.2	733	6.9	1,052	31.3	45,000	23.3%	Link
POW	Tiện ích	11.2	-0.40%	0.8	1,052	1.8	443	25.3	38,500	4.0%	Link
VHC	Thủy sản	73.7	-0.30%	1.1	663	1.5	4,793	15.4	29,000	32.2%	Link
GMD	Logistics	77.5	-0.60%	1.1	951	2.8	7,357	10.5	14,500	48.2%	Link
VNM	Bán lẻ	67.0	-1.30%	0.7	5,616	9.9	4,246	15.8	81,700	53.9%	Link
MSN	Bán lẻ	71.9	0.00%	1.5	4,126	8.1	293	245.7	27,700	28.2%	Link
MWG	Bán lẻ	50.0	-2.00%	1.5	2,932	12.2	115	436.1	63,800	44.5%	Link
PNJ	Bán lẻ	95.5	-1.40%	0.7	1,281	3.0	6,010	15.9	83,500	49.0%	Link
DGW	Bán lẻ	61.2	-4.10%	1.7	410	6.0	2,121	28.9	90,900	23.4%	Link
FPT	Công nghệ	112.6	-1.00%	0.8	5,735	8.8	5,091	22.1	57,000	49.0%	Link
CTR	Công nghệ	127.0	-3.90%	1.0	583	3.3	4,510	28.2	108,000	10.1%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
HDB	Ngân hàng	23.9	2.40%	0.8	2,792	7.7	3,482	6.9	1.6	19.6%	25.4%
VIB	Ngân hàng	22.7	0.00%	1.3	2,309	7.6	3,376	6.7	1.5	20.5%	24.3%
TPB	Ngân hàng	18.2	0.30%	1.1	1,611	8.5	2,027	9.0	1.2	29.8%	13.7%
MSB	Ngân hàng	14.2	0.00%	1.3	1,139	2.3	2,322	6.1	0.9	30.0%	16.0%
EIB	Ngân hàng	17.7	-0.60%	1.0	1,236	5.0	1,244	14.2	1.4	1.8%	10.1%
HCM	Chứng khoán	28.0	-0.50%	1.4	849	6.3	1,475	19.0	1.5	41.0%	8.3%
VCI	Chứng khoán	49.7	0.00%	1.8	872	14.1	1,124	44.2	2.9	21.7%	7.1%
VND	Chứng khoán	21.6	-1.80%	1.6	1,057	17.6	1,662	13.0	1.6	22.6%	13.1%
BID	Ngân hàng	50.8	1.20%	1.0	11,614	1.8	3,772	13.5	2.5	17.3%	20.3%
SHS	Chứng khoán	19.5	-1.50%	1.6	636	11.9	688	28.4	1.5	13.2%	5.7%
LCG	Xây dựng	13.1	0.00%	1.6	100	2.3	546	24.0	1.0	2.1%	4.6%
HUT	Xây dựng	18.5	-1.60%	1.6	662	2.0	45	411.6	1.5	1.6%	0.7%
CTD	Xây dựng	69.9	-0.70%	0.8	280	2.1	1,894	36.9	0.8	44.3%	2.3%
HHV	Xây dựng	15.0	-0.70%	1.3	248	4.7	782	19.2	0.7	6.7%	4.2%
C4G	Xây dựng	11.1	-1.80%	1.5	-	0.6	365	30.4	1.1	0.0%	4.9%
DIG	BĐS KCN	32.1	0.30%	1.7	785	23.1	195	164.9	2.5	5.2%	2.1%
CEO	BĐS KCN	22.6	-1.30%	1.0	466	9.8	293	77.2	1.9	5.6%	2.4%
KBC	BĐS KCN	33.0	0.00%	1.5	1,016	8.7	2,646	12.5	1.3	20.8%	11.7%
VGC	BĐS KCN	55.3	-1.20%	1.3	994	1.5	2,717	20.4	2.6	5.4%	12.5%
SZC	BĐS KCN	40.1	-2.60%	1.4	290	3.3	1,824	22.0	2.8	3.2%	13.4%
SIP	BĐS KCN	81.0	-4.40%	1.6	591	1.9	5,098	15.9	3.7	0.3%	26.9%
PHR	BĐS KCN	59.8	-1.20%	1.1	325	0.9	4,574	13.1	2.1	15.8%	18.3%
GVR	BĐS KCN	31.7	0.60%	1.6	5,085	4.6	656	48.3	2.3	0.3%	6.2%
NKG	Vật liệu	24.6	0.60%	1.6	260	4.8	446	55.2	1.2	16.0%	2.3%
BMP	Hóa chất	111.7	-0.30%	0.5	367	0.5	12,717	8.8	3.4	85.9%	39.1%
IJC	Bất động sản	14.6	-2.00%	1.7	221	1.7	1,477	9.9	1.0	5.9%	10.3%
DXG	Bất động sản	19.8	-0.80%	1.8	571	9.7	239	82.8	1.0	20.0%	1.1%
VRE	Bất động sản	23.6	-4.50%	1.2	2,151	14.0	1,940	12.2	1.4	31.0%	12.4%
PDR	Bất động sản	31.8	-1.10%	1.8	944	9.2	926	34.4	2.5	7.4%	7.2%
CSV	Hóa chất	62.1	-2.20%	1.4	110	2.1	4,732	13.1	1.9	3.7%	16.1%
DHC	Hóa chất	42.2	-1.30%	1.0	136	0.5	3,843	11.0	1.8	35.8%	17.2%
PLX	Dầu khí	37.0	-0.30%	1.0	1,888	0.8	2,213	16.7	1.6	17.1%	10.7%
PLC	Dầu khí	32.6	-3.30%	1.4	106	0.4	1,333	24.4	2.0	1.2%	8.4%
BSR	Dầu khí	19.8	-0.50%	1.2	-	5.2	2,790	7.1	1.1	0.8%	15.6%
DRC	Săm lốp	30.3	-4.60%	0.8	144	3.4	2,074	14.6	1.9	13.6%	13.2%
PC1	Tiện ích	27.8	0.20%	1.3	346	3.5	439	63.2	1.2	8.5%	4.1%
HDG	Tiện ích	28.2	-1.10%	1.3	346	1.8	2,327	12.1	1.2	22.8%	12.9%
GEX	Tiện ích	23.4	0.00%	1.9	801	18.0	388	60.4	0.9	12.6%	4.1%
QTP	Tiện ích	15.4	-1.30%	0.6	-	0.1	1,360	11.3	1.3	1.2%	10.8%
REE	Tiện ích	62.5	-0.20%	0.9	1,024	1.9	5,354	11.7	1.2	49.0%	13.9%
ANV	Thủy sản	32.4	-4.90%	1.3	173	2.9	294	109.9	1.5	3.0%	1.5%
PTB	Thủy sản	62.9	1.50%	0.8	169	1.2	4,368	14.4	1.5	20.9%	10.6%
PVT	Logistics	28.0	-1.10%	0.9	363	3.4	3,005	9.3	1.0	12.3%	14.3%
VSC	Logistics	22.0	-2.90%	1.4	236	2.9	927	23.8	0.9	2.5%	6.2%
HAH	Logistics	40.9	-1.40%	1.4	173	3.2	3,648	11.2	1.4	3.9%	12.1%
VTP	Logistics	73.8	-6.90%	1.2	360	9.3	3,119	23.7	5.7	9.4%	25.6%
DBC	Bán lẻ	30.5	-0.20%	1.4	296	11.9	103	295.2	1.6	4.5%	0.5%
FRT	Bán lẻ	142.9	-3.40%	0.7	781	4.6	(2,537)	-56.3	11.3	36.2%	11.8%
QNS	Bán lẻ	48.9	0.00%	0.6	-	0.5	6,117	8.0	2.0	15.5%	27.3%
DPM	Phân bón	34.7	-2.00%	1.3	545	4.3	1,327	26.1	1.2	10.0%	4.2%
TNG	Dệt may	21.7	-0.90%	1.0	99	1.1	1,917	11.3	1.3	18.6%	12.5%

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_Báo cáo tháng 03/2024_Câu chuyện tỷ giá và thị trường chứng khoán	x		Click
2	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
3	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
4	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
5	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
6	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức		x	Click
7	Vietnam Sector Outlook_VN_1Q2024		x	Click
8	BSC_Báo cáo ngành điện		x	Click
9	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		Click
10	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2023	x		Click
11	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		Click
12	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 08.2023	x		Click
13	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 07.2023	x		Click
14	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 06.2023	x		Click
15	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 05.2023	x		Click
16	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 04.2023	x		Click
17	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 03.2023	x		Click
18	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 02.2023	x		Click
19	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán.

Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này.

Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

Phòng Phân tích nghiên cứu

Trần Thăng Long

Trưởng phòng Phân tích nghiên cứu

longtt@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Bùi Nguyên Khoa

Trưởng nhóm phân tích Vĩ mô - thị trường

khoabn@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

anhvv@bsc.com.vn

Nguyễn Thùy Trang

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

trangnt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

anhng@bsc.com.vn

Thông tin liên hệ

Website

http://www.bsc.com.vn

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 4, Tầng 9 Tòa nhà President Place

Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings

210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn

(+84)2437173639